TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS-ST
Ngày 05-10- 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Bà Trương Thị Hương Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng– Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2018/TLST - DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐST - DS ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng V; địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà R, số 9 Đoàn Văn B, Phường 12, Quận 4, Thành phố M. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Theo văn bản ủy quyền số 14/UQ-QTRR.17 ngày 22 tháng 3 năm 2017 và văn bản ủy quyền lại số 543/UQTT-QTRR.18 ngày 20 tháng 01 năm 2018): Bà Lê Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Nhà số 60, đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 01 năm 2018 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17 tháng 12 năm 2015, phía bị đơn là chị Nguyễn Thị T có ký kết với Công ty tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng V đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151216-129004-0001 để vay số tiền 31.410.840 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân; hình thức vay không có tài sản bảo đảm, lãi suất của khoản

vay trên là 4,59%/ tháng (tức 55,08%/ năm); trả nợ theo phương thức trả chậm trong vòng 19 tháng (19 kỳ trả nợ). Tổng số tiền bị đơn phải trả cho Ngân hàng V trong vòng 19 tháng bao gồm cả gốc và lãi là 47.746.000 đồng, cụ thể: Trong 18 tháng đầu mỗi tháng phải trả cho Ngân hàng V số tiền 2.513.000 đồng, tháng cuối cùng phải trả cho Ngân hàng V số tiền 2.512.000 đồng. Hạn thanh toán là vào ngày 18 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 18 tháng 01 năm 2016.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng V đã giải ngân cho chị T vay số tiền 31.410.840 đồng (Trong đó có: Tiền vay là 29.773.308 đồng và phí bảo hiểm là 1.637.532 đồng), chị T đã nhận đủ số tiền vay. Đến kỳ trả nợ, chị T đã trả cho Ngân hàng V được 10 lần với tổng số tiền đã trả là 27.705.000 đồng (Trong đó có: 14.896.888 đồng tiền gốc và 12.808.112 đồng tiền lãi). Kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2016 đến nay, mặc dù Ngân hàng V đã nhiều lần nhắc nhở, tuy nhiên phía bị đơn không trả cho Ngân hàng V thêm bất kỳ khoản tiền nào khác. Vì vậy, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải hoàn trả toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, trong đó: Nợ gốc là 16.513.952 đồng, nợ lãi (tạm tính đến ngày 10/12/2017) là 3.527.048 đồng. Tổng cộng là 20.041.000 đồng và lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày tiếp theo cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng V số tiền gốc nợ gốc là 16.513.952 đồng và trả lãi của số tiền nợ gốc tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 19 tháng 11 năm 2016 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (05/10/2018) theo mức lãi suất 1,66%/ tháng (tức 20%/ năm) là 6.186.223 đồng. Tổng số tiền Ngân hàng V yêu cầu chị T phải trả là 22.700.175 đồng.

Quá trình điều tra thu thập chứng cứ, bị đơn là chị Nguyễn Thị T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến xác minh tại nhà riêng của chị T ở thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, chồng chị T là anh Nguyễn Đức H cho biết (theo biên bản làm việc ngày 20/8/2018 - bút lục 55): Chị T vẫn thường trú tại địa chỉ nêu trên, sáng đi làm, tối về nhà. Các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án gửi đến, chị T đều biết tuy nhiên chị không chấp hành. Đối với khoản vay của Ngân hàng V, chị T vay để sử dụng vào mục đích cá nhân, anh không biết và cũng không liên quan đến khoản nợ trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 16 Điều 4, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 688; các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa

án xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 20151216-129004-0001 ngày 17/12/2015. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng V là doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố M cấp, trong đó được thực hiện cấp tín dụng tiêu dùng, bao gồm cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng, phát hành thẻ tín dụng...theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 17 tháng 12 năm 2015, giữa Ngân hàng V với chị Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B đã ký kết đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151216-129004-0001 về việc Ngân hàng V cho chị T vay số tiền 31.410.840 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Hết hạn hợp đồng ngày 17 tháng 7 năm 2017, do chị T không trả số tiền nợ còn lại, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu chị T phải trả nợ theo thỏa thuận hai bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng ngày 17 tháng 12 năm 2015. Vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" trong lĩnh vực tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 17 tháng 12 năm 2015 nguyên đơn và bị đơn đã ký đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151216-129004-0001, số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 31.410.840 đồng (Trong đó có: 29. 773.308 đồng vay với mục đích tiêu dùng và 1.637.532 đồng là phí đóng bảo hiểm), lãi suất vay là 4,59%/tháng, thời hạn vay là 19 tháng, hạn thanh toán là vào ngày 18 hàng tháng bắt đầu từ 18/01/2016, 18 tháng đầu mỗi tháng bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 2.513.000 đồng, tháng cuối cùng bị đơn phải thanh toán số tiền 2.512.000 đồng. Bị đơn đã nhận đủ số tiền vay theo thỏa thuận và đã trả cho nguyên đơn được 10 kỳ với tổng số tiền là 27.705.000 đồng (Trong đó có: 14.896.888 đồng tiền gốc và 12.808.112 đồng tiền lãi). Kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2016, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi suất theo hướng giảm mức lãi suất cho bị đơn từ mức 4,59%/ tháng xuống còn 1,66%/ tháng (tức 20%/năm) của số tiền gốc còn nợ tính từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 19 tháng 11

năm 2016 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Việc thay đổi mức lãi suất của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, có lợi cho phía bị đơn và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, điểm a khoản 1 Điều 688, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì vậy cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 16.513.952 đồng; số tiền nợ lãi (tính từ ngày 19 tháng 11 năm 2016 đến 05 tháng 10 năm 2018) là 16.513.952 đồng × 1,66%/tháng × 22 tháng 17 ngày = 6.186.223 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là: 16.513.952 đồng tiền gốc + 6.186.223 đồng tiền lãi = 22.700.175 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 22.700.175 đồng × 5% = 1.135.000 đồng (làm tròn).

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 16 Điều 4, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 688; các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả nợ cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng V số tiền là 22.700.175 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là 16.513.952 đồng (Mười sáu triệu năm trăm mười ba nghìn chín trăm năm mươi hai đồng); nợ lãi tính đến 05/10/2018 là 6.186.223 đồng (Sáu triệu một trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.135.000 đồng (Một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Công ty tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Công ty tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002658 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Trường hợp bản án này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND H.Bình Xuyên;
- Chi cục THADS H.Bình Xuyên;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Anh Vũ